TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 101/2019/KDTM - ST
Ngày: 31/7/2019
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sỹ Hùng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Cao Kim Triều
2. Ông Trần Quang Mẫn

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Trà - cán bộ Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Oanh – Kiểm sát viên

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại phòng xử án của Toà án nhân dân Quận 1, đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 74/2019/TLST-KDTM ngày 10 tháng 4 năm 2019 về việc: "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2445/2019/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 2912/2019/QĐST-KDTM ngày 19 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần A; Địa chỉ: đường B, phường C, Quận D, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Hữu L đại diện theo giấy ủy quyền số 001PCO/-UQ/2019 ngày 20 tháng 02 năm 2019 của bà Nguyễn Bạch T – Chủ tịch Hội đồng Quản trị; địa chỉ: đường E, phường F, Quận D, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần X; Địa chỉ: đường T, phường B, Quận D, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Châu Anh T - Tổng Giám đốc đại diện theo pháp luật; địa chỉ: đường B, phường H, quận G, Tp. Hồ Chí Minh.

Phiên tòa có mặt ông L, vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 3 năm 2019 và lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn là ông Trần Hữu L trình bày:

Căn cứ hợp đồng thầu phụ số TP-GTL-CON-003 ngày 21/09/2017, gói thầu cung cấp và thi công chống mối, công trình thi công xây dựng khu biệt thự Villa 01 của dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng H (ấp H, xã P, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) giữa chi nhánh công ty CP A tại Tp. Hồ Chí Minh (Công ty A) và công ty Cổ phần X (Công ty D).

Căn cứ vào biên bản quyết toán thanh lý hợp đồng thầu phụ ngày 03/8/2018 giữa công ty A và công ty D.

Căn cứ biên bản nghiệm thu, Công ty A đã cung cấp và thi công chống mối từ tháng 9/2017 đến tháng 4/2018 cho công ty D.

Căn cứ hoá đơn GTGT số 0004659 ngày 18/9/2018 Công ty A đã phát hàng cho công ty D.

Theo đó tổng số nợ phát sinh công ty D theo hoá đơn và biên bản quyết toán, thanh lý hợp đồng là 182.481.750 đồng.

Từ tháng 9/2018, công ty A đã nhiều lần tiến hành đòi nợ qua điện thoại, gởi công văn thu hồi nợ và xuống trực tiếp văn phòng của công ty D về việc thanh toán khoản nợ.

Nay, công ty A khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc công ty D thanh toán số tiền dịch vụ thi công chống mối là 182.481.750 đồng.

Ngày 24/6/2019, công ty A có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc công ty D trả số tiền bảo lãnh bảo hành là 5% tổng số tiền quyết toán dịch vụ thi công chống mối là 9.124.088 đồng, yêu cầu thanh toán số tiền còn lại tổng cộng là 173.357.662 đồng.

Bị đơn là Công ty cổ phần X đã được tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ kèm theo, đồng thời vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa.

Tại phiên toà:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn thanh toán số tiền dịch vụ thi công chống mối là 173.357.662 đồng (đã

cấn trừ 5% số tiền bảo lạnh bảo hành trên tổng giá trị quyết toán) và tự nguyện không yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi chậm trả.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, về thu thập chứng cứ, tống đạt văn bản tố tụng, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án;

- Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng;

- Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng;

- Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng cung ứng dịch vụ, phát sinh trong hoạt động kinh doanh của 02 tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận; Bị đơn có trụ sở tại Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét: Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, trong đó có Thông báo yêu cầu giao nộp chứng cứ, nhưng vẫn không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ do Nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập. Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[4] Xét Nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền bảo lãnh bảo hành là 5% tổng số tiền quyết toán dịch vụ thi công chống mối là 9.124.088 đồng là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử

đối với phần yêu cầu này của nguyên đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[5] Xét: Hợp đồng thầu phụ số TP-GTL-CON-0003 ngày 21 tháng 9 năm 2017, Gói thầu: Cung cấp và thi công chống mối được Nguyên đơn và Bị đơn tự nguyện ký kết, có mục đích, nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 122 của Bộ luật dân sự năm 2005 và các Điều 24, 34, 35, 37, 42, 50, 55, 306 của Luật Thương mại nên có hiệu lực.

[6] Xét: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán nợ gốc số tiền dịch vụ thi công chống mối là 173.357.662 đồng. Căn cứ các biên bản nghiệm thu từ tháng 9/2017 đến 4/2018 xác nhận dịch vụ chống mối; Biên bản quyết toán, thanh lý hợp đồng thầu phụ ngày 03 tháng 8 năm 2018 tại phần Giá trị quyết toán bị đơn đã xác nhận tổng số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là: 173.357.662 đồng. Nguyên đơn đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0004659 ngày 18 tháng 9 năm 2018 cho bị đơn với nội dung: "Thanh toán dịch vụ chống mối cho công trình thi công xây dựng khu biệt thự Villa 01 theo hợp đồng số TP-GTL-CON-0003 ngày 21 tháng 9 năm 2017" với tổng giá trị dịch vụ là 182.481.750 đồng, đồng thời bị đơn đã sử dụng hóa đơn này để kê khai giá trị thuế GTGT háng hóa dịch vụ mua vào căn cứ theo văn bản trả lời xác minh về việc kê khai thuế số 5780/CT-TTr-KT8 ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Cục Thuế Tp. Hồ Chí Minh. Do đó có cơ sở xác định nguyên đơn đã thực hiện dịch vụ thi công chống mối cho bị đơn và hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ phải thanh toán như nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó Bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc dịch vụ thi công chống mối cho nguyên đơn số tiền là 173.357.662 đồng. Nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[7] Xét: Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà nguyên đơn không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Bị đơn phải chịu án phí tương ứng với nghĩa vụ phải trả theo yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận là 8.667.883 đồng.

[9] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 203, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 24, Điều 34, Điều 35, Điều 37, Điều 42, Điều 50, Điều 55, Điều 306 Luật Thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần A buộc Công ty Cổ phần X thanh toán số tiền bảo lãnh bảo hành 5% trên tổng số tiền quyết toán dịch vụ thi công chống mối là 9.124.088 đồng của Hợp đồng thầu phụ số TP-GTL-CON-0003 ngày 21 tháng 9 năm 2017, Gói thầu: Cung cấp và thi công chống mối

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty Cổ phần X phải trả cho Công ty Cổ phần A số tiền nợ gốc dịch vụ thi công chống mối là 173.357.662 đồng của Hợp đồng thầu phụ số TP-GTL-CON-0003 ngày 21 tháng 9 năm 2017, Gói thầu: Cung cấp và thi công chống mối.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty cổ phần X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.667.883 đồng. Công ty cổ phần A được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.562.044 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2018/0007356 ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Công ty cổ phần A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Công ty cổ phần X được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Phan Sỹ Hùng

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận D, Tp. Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi Hành Án Dân sự Quận D, Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Sỹ Hùng